

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS - ST
Ngày: 03 – 8 – 2022.
V/v: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt;
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, LH, phường TC, quận BĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S Quảng Ngãi. Theo quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019.

Địa chỉ: Tổ dân phố HG, thị trấn DL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh M, sinh năm 1958 và bà Đinh Thị S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị Huệ, Cán bộ hưu trí thị trấn DL, huyện S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Đinh Xuân L trình bày:

Vào ngày 20/3/2019 ông Đinh M và bà Đinh Thị S có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) tại sổ vay vốn số 4505-LAV-201900571 với số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 11%/năm, lãi quá hạn 16,5%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả lãi 12 tháng/lần, hạn trả gốc cuối cùng vào ngày 20/3/2022, mục đích vay để mua keo, chăm sóc và khai thác.

Để làm tin cho khoản vay trên, ông M và bà S tự nguyện giao tài sản là một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 922537, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00417 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 642,8m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Đinh M và bà Đinh Thị S.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, thời gian đầu ông Đinh M và bà Đinh Thị S có thực hiện nghĩa vụ trả lãi, nhưng từ ngày 27/6/2020 đến nay không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận mà vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc. Nhiều lần, đại diện Ngân hàng đã đến gặp trực tiếp và làm việc để yêu cầu thanh toán khoản nợ lãi và gốc cho Ngân hàng nhưng ông M và bà S hứa hẹn mà không trả hoặc thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, vào ngày 17/01/2022 bà Siên có đến Ngân hàng thanh toán được khoản tiền lãi tính từ ngày 27/6/2020 đến ngày 19/12/2021 là 15.879.178đồng. Từ đó đến nay ông M bà S không trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M và bà S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 03/8/2022 là 108.854.246đồng (*Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: tiền gốc là 100.000.000đồng; tiền lãi trong hạn là 6.804.931đồng và tiền lãi quá hạn là 2.049.315đồng. Đồng thời, buộc ông M và bà S phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại sổ vay vốn số 4505-LAV-201900571, kể từ ngày 04/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thanh toán xong các khoản nợ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, sẽ hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang tạm giữ cho ông M và bà S.

- *Tại bản tự khai ngày 17/01/2022 bị đơn ông Đinh M và bà Đinh Thị S trình bày:* Vào tháng 03/2019 vợ chồng ông, bà có vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S với số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng); mục đích vay để mua keo, chăm sóc và khai thác; lãi suất 11%/năm; thời hạn vay 36 tháng; kỳ hạn trả lãi 12 tháng/lần; hạn trả gốc cuối cùng vào ngày 20/3/2022. Để làm tin cho Ngân hàng, vợ chồng ông, bà có giao cho Ngân hàng tạm giữ một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 922537, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00417, được Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 642,8m², địa chỉ thửa đất tại thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên vợ chồng ông, bà. Quá trình vay vốn, thời gian đầu ông, bà trả lãi đầy đủ, nhưng thời gian sau việc làm ăn kinh tế gặp khó khăn nên ông, bà không trả lãi cho Ngân hàng đúng hạn, khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, ông, bà đã đến Ngân hàng trả được một khoản tiền lãi, còn nợ tiền gốc vẫn chưa trả cho Ngân hàng. Ngày 14/02/2022 ông M, bà S đã cung cấp 01 đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án tiếp tục tổng đạt các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án thì ông M, bà S vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không có người thân ký nhận văn bản tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

- Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông M, bà S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng buộc vợ chồng ông Đinh M và bà Đinh Thị S có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 03/8/2022 là 108.854.246đồng (Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó: tiền gốc là 100.000.000đồng; tiền lãi trong hạn là 6.804.931đồng và tiền lãi quá hạn là 2.049.315đồng; đồng thời ông M, bà S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh M và bà Đinh Thị S có hộ khẩu thường trú tại Thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi hiện là vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi khởi kiện buộc ông Đinh M và bà Đinh Thị S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay theo hợp đồng vay vốn đã ký xác lập ngày 20/3/2019 tại sổ vay vốn 4505-LAV-201900571. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy Ngân hàng là tổ chức tín dụng (bên cho vay), ông M, bà S là cá nhân có nhu cầu vay vốn (bên vay) để sử dụng vào mục đích mua keo, chăm sóc và khai thác nhằm phát triển kinh tế gia đình, do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện, Quảng Ngãi khởi kiện đối với bị đơn ông Đinh M và bà Đinh Thị S có hộ khẩu thường trú tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thủ tục tố tụng*:

Sau khi thụ lý vụ án, thời gian đầu ông M, bà S chấp hành theo đúng giấy triệu tập của Tòa án và đã có bản tự khai, đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, sau đó Tòa án tiếp tục tổng đạt các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án thì ông Mạnh, bà Siên vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không có người thân ký nhận văn bản tố tụng, qua xác minh tại công an xã SL xác định ông M, bà S vẫn đang đăng ký thường trú tại thôn LG, xã SL, huyện S. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đầy đủ được quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông M, bà S vẫn không tham gia tố tụng theo lịch đã ấn định, đồng thời không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông M, bà S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà S, là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Xét nội dung vụ án:*

- Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 20/3/2019 ông Đinh M và bà Đinh Thị S có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S tại sổ vay vốn số 4505-LAV-201900571 với số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 11%/năm, lãi quá hạn 16,5%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả lãi 12 tháng/lần, hạn trả gốc cuối cùng vào ngày 20/3/2022, mục đích vay để mua keo, chăm sóc và khai thác.

Để làm tin khoản vay trên, ông M và bà S tự nguyện giao nộp tài sản là một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 922537, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00417 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 642,8m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Đinh M và bà Đinh Thị S. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, thời gian đầu ông M và bà S thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết về việc trả lãi, nhưng sau đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc cho Ngân hàng. Nhằm đôn đốc, thu hồi nợ, đại diện Ngân hàng đã nhiều lần đến gặp trực tiếp và làm việc yêu cầu ông M và bà S thanh toán khoản nợ lãi và gốc cho Ngân hàng nhưng ông M, bà S hứa hẹn mà không trả hoặc thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, vào ngày 17/01/2022 bà S có đến Ngân hàng thanh toán được khoản tiền lãi tính từ ngày 27/6/2020 đến ngày 19/12/2021 là 15.879.178đồng. Từ đó đến nay ông M, bà S không trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M, bà S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 03/8/2022 là 108.854.246đồng (*Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: Tiền gốc là 100.000.000đồng; tiền lãi trong hạn là 6.804.931đồng và tiền lãi quá hạn là 2.049.315đồng).

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa Ngân hàng và ông M, bà S theo sổ vay vốn (hợp đồng tín dụng) là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 351, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 03/8/2022, cụ thể: tiền lãi trong hạn là 6.804.931 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.049.315 đồng. Ông M, bà S còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn số 4505-LAV-201900571, kể từ ngày 04/8/2022 đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Đối với tài sản mà các bên giao nhận để làm tin: Sau khi ông M, bà S tất toán xong toàn bộ khoản vay, Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại tài sản là một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 922537, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00417 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 642,8m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Đinh M và bà Đinh Thị S.

[5]. *Về án phí*: Ông Đinh M và bà Đinh Thị S có hộ khẩu thường trú tại Thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi hiện là vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm, do đó bị đơn được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[6]. *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S* tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S đối với bị đơn ông Đinh M và bà Đinh Thị S.

- Buộc vợ chồng ông Đinh M và bà Đinh Văn S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S tổng số tiền tính đến ngày 03/8/2022 là 108.854.246 đồng (*Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 6.804.931 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.049.315 đồng. Ông Đinh M, bà Đinh Thị S tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4505-LAV-201900571 ký kết ngày 20/3/2019, kể từ ngày 04/8/2022 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng.

Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại tài sản là một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 922537, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00417 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 642,8m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thôn LG, xã SL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên ông Đinh M, bà Đinh Thị S ngay sau khi ông M, bà S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay cho Ngân hàng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn ông Đinh M, bà Đinh Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sơn Hà số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.892.000 (*Hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0000741 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) số 4505-LAV-201900571 ngày 20/3/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Hồng Thơm

**KẾ HOẠCH XÉT HỎI
(Phiên tòa dân sự)**

I.KHAI MẠC PHIÊN TÒA: Điều 239 (BLTTDS).

- Hôm nay ngày 03/8/2022 tại trụ sở TAND huyện Sơn Hà, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa: *Nguyên đơn*: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi và *Bị đơn* ông Đinh Mạnh, bà Đinh Thị Siên. Thay mặt HĐXX tôi khai mạc phiên tòa.

- Đọc QĐĐVARXX.

-Thư ký báo cáo danh sách những người TGTT có mặt và vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Lý do vắng mặt.

- Kiểm tra lại sự có mặt, vắng mặt theo giấy triệu tập và căn cước của đương sự. (Lưu ý khi kiểm tra là người **dân tộc thiểu số** phải hỏi người phiên dịch trước để phiên dịch lại). Kiểm tra căn cước của họ. Hỏi ý kiến của KSV về sự vắng mặt của những người TGTT.

+ **Nguyên đơn:** (Họ tên, ngày tháng năm sinh, trú quán, nghề nghiệp).

+ **Bị đơn:**(Họ tên, ngày tháng năm sinh,trú quán, nghề nghiệp).

+ **Người phiên dịch:** Họ tên, ngày tháng năm sinh, cơ quan..., tham gia phiên tòa với tư cách gì?

- **Phổ biến quyền và nghĩa vụ của những người TGTT:**

Nguyên đơn (Đ70, 71).

Quyền: - Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn , NCQLNVLQ có yêu cầu độc lập.

-Cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

-Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp TL,CC đó cho mình.

- Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập tài liệu,cc của vụ việc mà mình không thể thực hiện được, đề nghị Tòa án yêu cầu đương sự khác xuất trình tài liệu,cc mà họ đang lưu giữ, đề nghị TA ra quyết định yêu cầu cơ quan, tc, cá nhân đang lưu giữ quản lý , tl,cc cung cấp tl,cc đó, đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định, quyết định việc định giá tài sản.

- Được biết, ghi chép, sao chụp tl,cc do đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập, trừ ttl,cc quy định tại k2, Điều 109 BLTTDS. Trường hợp có lý do chính đáng không thể sao chụp, gửi đơn khởi kiện, tl,cc thì có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ.

- Đề nghị TA quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPKCTT.

- Tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Yêu cầu thay đổi người THTT, NTGTT, tham gia phiên tòa, phiên họp.

- Đề nghị Tòa đưa người có QLNVLQ TGTT. Đề nghị TA tạm đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

- Đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án, được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng.

- Tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật

- Yêu cầu không đăng công bố bản án, quyết định lên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

- Kháng cáo, khiếu nại bản án, quyết định của Tòa án.

- Đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định của TA có hiệu lực pl.

Nghĩa vụ:

- Có mặt theo giấy triệu tập của TA, Tôn trọng TA và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. - Chấp hành quyết định, yêu cầu của Tòa án.

Bị đơn: (Điều 70,72).

- Ngoài những quyền quy định tại điều 70 tôi vừa giải thích cho nguyên đơn còn có một số quyền sau:

-Được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện

-Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn , NCQLNVLQ có yêu cầu độc lập.

- Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

- Đưa ra yêu cầu độc lập đối với NCQLNVLQ.

- Trường hợp yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập không được TA chấp nhận để giải quyết trong cùng vụ án thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác.

- Yêu cầu không đăng công bố bản án, quyết định lên cổng thông tin điện tử.

Nghĩa vụ:

- Có mặt theo giấy triệu tập của TA, Tôn trọng TA và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

- Chấp hành quyết định, yêu cầu của Tòa án.

Quyền và nghĩa vụ của NCQLNVLQ: Điều 70, Điều 73 BLTTDS

-Có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70. Ngoài ra còn có một số quyền sau:

-Có thể có yêu cầu độc lập hoặc tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc bị đơn

- Quyền và nghĩa vụ của NCQLNVLQ nếu tham gia tố tụng độc lập theo điều 71, nếu tham gia tố tụng bên bị đơn thì Quyền và nghĩa vụ theo Điều 72 BLTTDS.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Điều 74:

Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền và nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế, thì người thừa kế tham gia tố tụng.

Trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức tham gia tố tụng phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể, hợp nhất, sáp nhập chia tách, chuyển đổi hình thức thì việc kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự được xác định như sau:.....

Quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ QVLIHP của đương sự: Điều 75,76

Gồm : *Luật sư, trợ giúp viên pháp lý, Đại diện của tổ chức đại diện tập thể lao động trong vụ án lao động, Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự, không có án tích hoặc được xóa án tích, không phải cán bộ, công chức trong các cơ quan TA, VKS, CA.*

Khi đề nghị TA làm thủ tục đăng ký NBVQVLIHP của đương sự phải xuất trình các giấy tờ sau:

Luật sư theo quy định của Luật luật sư, Trợ giúp viên pháp lý xuất trình văn bản cử người thực hiện TGPL, thẻ TGVPL hoặc thẻ Luật sư.... Sau khi kiểm tra giấy tờ và thỏa thuận người đề nghị có đủ đk....trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, TA vào sổ đăng ký và xác nhận vào giấy yêu cầu của NBVQVLIHP của đương sự.

Người phiên dịch Điều 81,82....

Điều 82: Cam kết phiên dịch đúng nội dung cần dịch.

*** Giới thiệu thành phần của HĐXX:**

-Tôi.... TP- CT phiên tòa.

-Các Hội thẩm nhân dân: 1. Đinh Thị Minh. 2. Nguyễn Thị Nguyệt.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị, Thư ký TAND h. SH.

-Đại diện VKS ND huyện SH tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa, KSV.

- Người phiên dịch: bà Đinh Thị Huệ:

*Hỏi những người TGTT (Nguyên đơn, BĐ, KSV) có đề nghị thay đổi ai trong những người THPT vừa giới thiệu không?

*Hỏi ĐDVKS và những NTGTT về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa có ai có ý kiến gì không?. Nếu không ai có ý kiến tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chuyển sang phần tranh tụng tại phiên tòa.

II. GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG: Phần này dự kiến

- + Hỏi đương sự v/v thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện? Điều 243,244
- + Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án không.

Điều 246.

Lưu ý: Hai phần này chủ tọa hỏi đương sự trước tiên

- + Yêu cầu thay đổi NHTT, NGĐ, NPD Điều 240.
- + Hoãn phiên tòa. Điều 241
- + Thay đổi địa vị tố tụng. Điều 245

III. TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA.

- + Hỏi đương sự v/v thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu Điều 243,244
- + Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án không.

Điều 246.

Lưu ý: Hai phần trên chủ tọa hỏi đương sự, Nếu có thì Chủ tọa xử lý tình huống, Hỏi ...ĐS, VKS mời HT vào phòng Nghị án.; Nếu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được toàn bộ vụ án thì mới đến phần trình bày của đương sự.

1. Trình bày của đương sự, NBVQVLIHP của đương sự: Trình tự:

1.1 NBVQVLIHP của nguyên đơn trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, Nguyên đơn có quyền bổ sung.

Trường hợp cơ quan tổ chức khởi kiện thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh là có căn cứ và hợp pháp.

1.2. NBVQVLIHP của bị đơn trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, Nguyên đơn có quyền bổ sung.

1.3. NBVQVLIHP của NCQLNVLQ trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, NCQLNVLQ có quyền bổ sung.

1. 4. Trường hợp các đương sự không có người bảo vệ thì tự họ trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh là có căn cứ và hợp pháp.

1.5. Tại phiên tòa đương sự, NBV có quyền bổ sung chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

2. Thứ tự và nguyên tắc hỏi tại phiên tòa:

Sau khi lời trình bày của các bên thứ tự hỏi như sau:

Nguyên đơn, NBVQVLIHP của nguyên đơn hỏi trước, tiếp đến bị đơn NBVQVLIHP của bị đơn sau đó là NCQLNVLQ, người bảo vệ NCQLNVLQ.

-Những người tham gia tố tụng khác.

-Chủ tọa phiên tòa:

Hỏi: Ng đơn khởi kiện ai? về việc gì? Trình bày tóm tắt nội dung khởi kiện và yêu cầu của mình? TL, CC chứng minh cho yêu cầu khởi kiện?

Hỏi: Bị đơn về phần trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố không?....

-Hội thẩm nhân dân.

-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Đặt câu hỏi rõ ràng, không trùng lặp, không lợi dụng việc hỏi và trả lời để xâm phạm danh dự, nhân phẩm của những người TGT.

Hỏi nguyên đơn: Nhiều ND thì hỏi riêng từng người, ND tự trả lời hoặc NBV trả lời thay cho ND

Hỏi bị đơn. Nhiều ND thì hỏi riêng từng người (Nt).

Hỏi NCQLNVLQ (Nt)

Hỏi người làm chứng (Nếu có)

Công bố tài liệu, chứng cứ vụ án (Điều 254) trong các trường hợp NTGTT vắng mặt, lời khai mâu thuẫn trước đó và xét thấy cần thiết hoặc có yêu cầu của KSV, đương sự, NTGTT khác. Trường hợp bí mật thì không công bố.

Nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm,, xem xét băng hình, thiết bị khác chứa âm thanh , hình ảnh.

Xem xét vật chứng, Hỏi người giám định.

Kết thúc việc hỏi: (Điều 258) Khi thấy các tình tiết vụ án đã được xem xét đầy đủ thì Chủ tọa hỏi KSV, đương sự và những NTGTT khác xem họ có yêu cầu hỏi vấn đề gì nữa không. Trường hợp có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ thì Chủ tọa quyết định hỏi tiếp.

Tạm ngừng phiên tòa: Điều 259 trong các hường hợp:(Dự kiến).

....Cần xác minh, thu thập, bổ sung tl, cc nếu không thực hiện thì không thể giải quyết vụ án và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa...Việc ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa , thời hạn tạm ngừng không quá 01 tháng, kể từ ngày HĐXX tạm ngừng phiên tòa.

3. Trình tự phát biểu khi tranh luận: Sau khi kết thúc việc hỏi, HĐXX chuyển sang phần tranh luận tại phiên tòa. Trình tự phát biểu như sau:

-Người BVQVLIHP của nguyên đơn trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến. Tiếp theo tương tự Bị đơn, NCQLNVLQ .

-Các đương sự đối đáp theo sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa.

Trường hợp các đương sự không có NBV thì họ tự trình bày khi tranh luận. Trường hợp vắng mặt đương sự khác, chủ tọa công bố lời khai để đương sự có mặt tại phiên tòa tranh luận. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác.

-Sau khi những người tham gia TT phát biểu tranh luận xong đến KSV phát biểu ý kiến

4.Phát biểu của kiểm sát viên Điều 262: Về việc tuân theo pl tố tụng của TP,HĐXX, TK, và của những NTGTT trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Và gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án lưu vào hồ sơ.

Trở lại việc tranh luận (Nếu có).

Sau khi kết thúc phần tranh luận HĐXX vào phòng Nghị án.

IV Nghị án.

V. Tuyên án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 45 phút ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Minh, bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 27/2021/TLST-DS ngày 29/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04 /2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. (Trước là: Số 18, Trần Hữu Dục, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân Loan - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hàng Gòn, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh Mạnh, sinh năm 1958 và bà **Đinh Thị Siên**, sinh năm 1969.

Đều có địa chỉ: Thôn Làng Ghè, xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. thụ lý số 24/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” giữa:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. *Về quan hệ pháp luật:* Bị đơn có nơi cư trú xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Sơn Hà. Xác định quan hệ pháp luật “ Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. *Xác định tư cách đương sự:*

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Bị đơn: Ông Đinh Mạnh, bà Đinh Thị Siên.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. *Điều luật áp dụng:* Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. *Về nội dung giải quyết vụ án, tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam, Chi nhánh huyện Sơn Hà.

Buộc ông Đinh Mạnh, bà Đinh Thị Siên phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Hà, tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/7/2022) là Trong đó: tiền nợ gốc là đồng (....mười triệu đồng), tiền nợ lãi trong hạn là đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tiền nợ lãi quá hạn là đồng (hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Đinh Mạnh, bà Đinh Thị Siên tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số số 4505-LAV-201900571 ngày 20/9/2018.

Sau khi bị đơn trả nợ xong, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Hà phải hoàn trả lại giấy chứng nhận QSDĐ số BS 922537, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00417 cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 642,8m², địa chỉ thửa đất tại thôn Làng Ghè, xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Đinh Mạnh, bà Đinh Thị Siên.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Đinh Mạnh và bà Đinh Văn Siên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Sơn Hà với số tiền 2.892.000đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 00074 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 10 phút, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 45 phút ngày 03 tháng 8 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Bà Đinh Thị Minh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số:27/2021/TLST-DS ngày 29/12/2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:04/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. (trước là: Số 18, Trần Hữu Dục, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân Loan - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hàng Gòn, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Mạnh**, sinh năm 1958 và bà **Đinh Thị Siên**, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn Làng Ghè, xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Xác định tư cách đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Bị đơn: Ông **Đình Mạnh**, sinh năm 1958 và bà **Đình Thị Siên**. Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. *Điều luật áp dụng*: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. *Về nội dung giải quyết vụ án, tuyên xử*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Sơn Hà đối với bị đơn ông Đình Mạnh, sinh năm 1958 và bà Đình Thị Siên.

- Buộc vợ chồng ông Đình Mạnh và bà Đình Văn Siên phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Hà tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/8/2022) là **108.854.246 đồng** (*Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm năm mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 6.804.931 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.049.315 đồng. Ông Đình Mạnh, bà Đình Thị Siên tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số số 4505-LAV-201900571 ngày 20/3/2019.

Sau khi bị đơn trả nợ xong, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Hà phải hoàn trả lại giấy chứng nhận QSDĐ số BS 922537, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00417 cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 642,8m², địa chỉ thửa đất tại thôn Làng Ghè, xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Đình Mạnh, bà Đình Thị Siên. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. *Về án phí*: Vợ chồng ông Đình Mạnh và bà Đình Văn Siên phải nộp số tiền 5.442.710 đồng (*năm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm mười nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Sơn Hà số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.892.000 (*Hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0000741 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà. Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 17 giờ phút, ngày 03 tháng 8 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA